

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê ch

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	20,759,950	20,759,950
I	Các khoản thu 100%	42,000	42,000
1	Phí, lệ phí	12,000	12,000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	10,000	10,000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	20,000	20,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	11,354,000	11,354,000
1	Các khoản thu phân chia	206,000	206,000
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	65,000	65,000
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21,000	21,000
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	120,000	120,000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	11,148,000	11,148,000
21	Thu tiền sử dụng đất	11,000,000	11,000,000
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
23	Thuế tài nguyên		
24	Thuế giá trị gia tăng	104,000	104,000
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
26	Thuế thu nhập cá nhân	44,000	44,000
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	113,042	113,042

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9,250,909	9,250,909
1	Thu bổ sung cân đối	2,703,300	2,703,300
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6,547,609	6,547,609

NĂM 2022

uẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
27,628,611	27,628,611	133.09	133.09
114,336	114,336	272.23	272.23
12,055	12,055	100.46	100.46
45,000	45,000	450	450
13,931	13,931		
43,350	43,350	216.75	216.75
18,263,367	18,263,367	160.85	160.85
648,748	648,748	314.93	314.93
119,108	119,108		
21,900	21,900	104.29	104.29
507,740	507,740	423.12	423.12
17,614,619	17,614,619	158.01	158.01
17,437,075	17,437,075	158.52	158.52
109,090	109,090	104.89	104.89
68,454	68,454	155.58	155.58

QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
9,250,909	9,250,909	100	100
2,703,300	2,703,300	100	100
6,547,609	6,547,609	100	100